

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số của Sở Dân tộc và Tôn giáo giai đoạn 2026 – 2030

Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; Sở Dân tộc và Tôn giáo ban hành Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 của Sở như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai đồng bộ, toàn diện chuyển đổi số trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo giai đoạn 2026-2030, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và chương trình chuyển đổi số của tỉnh.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo, phát triển hệ sinh thái số đồng bộ, an toàn, kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia.
- Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

(Phụ lục I kèm theo)

II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

(Phụ lục II kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

- Tăng cường vai trò tham mưu, tổ chức thực hiện của Sở trong triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong toàn ngành, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.
- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các phòng chuyên môn, bảo đảm trực tiếp chỉ đạo, theo dõi và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị.
- Xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong ngành; thực hiện theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi số, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.
- Gắn kết quả thực hiện chuyển đổi số với công tác thi đua, khen thưởng, đánh

giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân trong ngành dân tộc, tôn giáo.

2. Về thể chế, chính sách

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các kế hoạch, chương trình, đề án, văn bản chỉ đạo nhằm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06 trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế, quy định nội bộ của ngành phù hợp với mô hình quản trị số, môi trường làm việc điện tử và yêu cầu số hóa toàn diện.

- Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng điện tử hóa, số hóa toàn trình; bảo đảm dữ liệu được tạo lập ngay từ đầu ở dạng số, hạn chế tối đa hồ sơ giấy.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo; ban hành quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu, bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, đồng thời tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào kế hoạch công tác hằng năm, kế hoạch trung hạn của ngành; bảo đảm bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phù hợp, hiệu quả.

3. Về phát triển hạ tầng số

- Rà soát, đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin trong toàn ngành; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, thống nhất; triển khai sử dụng nền tảng điện toán đám mây và trung tâm dữ liệu phục vụ lưu trữ, khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành; bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu và tính sẵn sàng cao của hệ thống.

- Chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ triển khai thực hiện; tăng cường giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ lớp hạ tầng; triển khai các hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn thông tin theo quy định.

4. Về phát triển nhân lực số

- Rà soát, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại Sở và bảo đảm có đầu mối chuyên trách hoặc kiêm nhiệm phù hợp.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kỹ năng số, kỹ năng sử dụng hệ thống quản trị, phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho công chức gắn kết quả bồi dưỡng, nâng cao năng lực số với đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thưởng hằng năm.

5. Về phát triển dữ liệu số

- Đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, xây dựng, chuẩn hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu lĩnh vực dân tộc, tôn giáo theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin

của tỉnh, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Tăng cường khai thác, phân tích dữ liệu phục vụ quản lý, dự báo, từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý, tổng hợp và hỗ trợ ra quyết định; ban hành và thực hiện quy định về quản lý, khai thác, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

6. Về bảo đảm an ninh mạng

- Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin của Sở; thực hiện đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn theo quy định.

- Tăng cường giám sát, cảnh báo sớm và phòng, chống nguy cơ mất an toàn thông tin; thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ, bảo đảm khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố; nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo mật thông tin cho công chức, tăng cường tuyên truyền về bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng trong công tác bảo đảm an ninh mạng, xử lý kịp thời các sự cố, không để xảy ra mất an toàn thông tin nghiêm trọng trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.

7. Về phát triển Chính quyền số

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ số, chính quyền số do trung ương và tỉnh triển khai, bảo đảm tính kết nối, liên thông.

- Thực hiện xử lý 100% hồ sơ công việc trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước); tăng cường sử dụng chữ ký số trong trao đổi, giải quyết công việc.

- Chuẩn hóa, số hóa quy trình nghiệp vụ, thủ tục hành chính theo hướng toàn trình; bảo đảm tái sử dụng dữ liệu, giảm giấy tờ, rút ngắn thời gian giải quyết.

- Ứng dụng dữ liệu số, công cụ phân tích và trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Thực hiện đo lường, đánh giá mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.

8. Về phát triển Kinh tế số và Xã hội số

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý và các hoạt động chuyên môn; nâng cao hiệu quả điều hành dựa trên dữ liệu số; triển khai đồng bộ các nền tảng số dùng chung của ngành; phát triển kho học liệu số.

- Tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo; nâng cao mức độ tham gia của người dân, tổ chức vào môi trường số; thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận bình đẳng với hạ tầng, nền tảng và dịch vụ số.

9. Về nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin

- Đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin đến toàn thể công chức.

- Tăng cường truyền thông trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của các đơn vị; duy trì chuyên mục chuyển đổi số; cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip về hoạt động chuyển đổi số trong ngành.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng số và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin; nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện chuyển đổi số.

- Tăng cường phổ biến kiến thức, cảnh báo nguy cơ mất an toàn thông tin trên môi trường mạng; nâng cao ý thức trách nhiệm trong bảo vệ hệ thống, dữ liệu và thông tin cá nhân.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí huy động theo quy định của pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tham mưu, xây dựng nhiệm vụ chi tiết hằng năm; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, tiến độ và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng công chức thuộc phòng; chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Văn phòng Sở chịu trách nhiệm tham mưu Giám đốc Sở theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc phát sinh, các phòng kịp thời phản ánh về Văn phòng Sở, để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Sở xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP (hmttoan).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Quang Thạch

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SDTTG ngày tháng 3 năm 2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
A	Giai đoạn 2026-2027			
I	Phát triển chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động trong ngành dân tộc, tôn giáo			
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan.
2	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến công tác dân tộc, tôn giáo	100%	Phòng Dân tộc, Tôn giáo	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan.
3	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	90%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan.
II	Quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành dân tộc, tôn giáo phục vụ Chính phủ số Trung ương đến địa phương được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn tỉnh.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan.
2	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở
3	Tỷ lệ chế độ báo cáo được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo theo quy định.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở
5	Tỷ lệ cán bộ công chức được cấp và sử dụng chữ ký số xử lý văn bản trao đổi trong ngành trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở
6	Hệ thống thông tin được đánh giá, phân loại và phê	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
	duyet cấp độ an toàn thông tin theo quy định; dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.			
B	Giai đoạn 2028-2030			
I	Phát triển chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động trong ngành dân tộc, tôn giáo			
1	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	99%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ	50%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan.
4	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan
5	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở; các tổ chức, cá nhân có liên quan
6	Tỷ lệ các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở.
7	Tỷ lệ công chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở.
8	Tỷ lệ phòng thuộc Sở sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở.
9	Tỷ lệ các phòng thuộc Sở thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở.

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp
10	Tỷ lệ các phòng thuộc Sở sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở.
II	Quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu			
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo được cấp và sử dụng chữ ký số xử lý văn bản trao đổi trên môi trường điện tử	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở.
2	Hệ thống thông tin được đánh giá, phân loại và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin theo quy định; dữ liệu quan trọng được sao lưu định kỳ; không để xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng.	100%	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở.

Phụ lục II
DANH MỤC NHIỆM VỤ
TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SDTTG ngày tháng 3 năm 2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành				
1	Tăng cường công tác chỉ đạo về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trong các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Các văn bản chỉ đạo điều hành của Sở	Năm 2026 - 2030
2	Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Kết quả đánh giá	Năm 2026 - 2030
II	Thể chế, chính sách số				
1	Xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo và điều hành để thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Quyết định; Kế hoạch; văn bản triển khai	Năm 2026 - 2030
III	Phát triển hạ tầng số				
1	Trang bị thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, hệ thống mạng LAN/Wifi, internet băng thông rộng.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.	Năm 2026 - 2030
2	Thuê dịch vụ CNTT; xây dựng; nâng cấp; duy trì các nền tảng số, cơ sở dữ liệu.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện.	Năm 2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
IV	Phát triển nhân lực số				
1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
2	Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu, AI cho công chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số. Tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hằng năm về kỹ năng số.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
V	Phát triển dữ liệu số				
1	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Dữ liệu được tạo lập, số hóa	Năm 2026-2030
2	Thực hiện số hóa 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; hoàn thành xây dựng, nâng cấp, phát triển các cơ sở dữ liệu bảo đảm dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Báo cáo thực hiện	Năm 2026-2030
VI	Bảo đảm an ninh mạng				
1	Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc	Báo cáo triển khai	Năm

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	đối với hệ thống thông tin		Sở		2026-2030
VII	Chính quyền số				
1	Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành trung ương triển khai đến đơn vị.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ và bảo đảm kế hoạch triển khai của các bộ, ngành trung ương	Năm 2026-2030
2	Rà soát, tính hiệu quả triển khai để xây dựng kế hoạch nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu để nâng cao hiệu quả hoạt động; Tăng cường xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách đảm bảo tính “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - đồng bộ - kết nối - dùng chung”, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của tỉnh dựa trên dữ liệu.	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Năm 2026-2030
VIII	Kinh tế số và xã hội số				
IX	Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin				
1	Tuyên truyền về những định hướng, mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp về chuyển đổi số gắn với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng của tỉnh tại các văn bản: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày	Văn phòng Sở	Các phòng thuộc Sở	Các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn và văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số được truyền thông	Năm 2026-2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
	22/12/2024 của Bộ Chính; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/04/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi...			rộng rãi trên toàn tỉnh	
2	Cập nhật tin, bài, hình ảnh, video clip và đặt banner trên trang thông tin điện tử của cơ quan; duy trì hoạt động chuyên mục Chuyển đổi số.	Ban biên tập trang TTĐT của Sở	Các phòng thuộc Sở	Báo cáo kết quả truyền thông CDS	Năm 2026-2030

Phụ lục III
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ NH CẦU KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SDTTG ngày tháng 03 năm 2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo)

TT	Tên nhiệm vụ/chương trình/dự án	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Tổng mức kinh phí	Nguồn vốn đầu tư		Nguồn vốn sự nghiệp p ĐP	Nguồn vốn khác (Doanh nghiệp, PPP, ODA,...)	Phân kỳ thời gian triển khai					Cơ sở thực hiện
			(triệu đồng)	NSTW	NSDP			2026	2027	2028	2029	2030	
I	Phát triển chính quyền số		7.873		7.873			1.002	6.680	97	47	47	
I.1	Phát triển hạ tầng số		6.953		6.953			400	6.553				
1	Thiết bị hội nghị truyền hình (phòng họp trực tuyến)	Văn phòng Sở	6.253		6.253				6.253				Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
2	Thay thế 25 bộ máy tính có cấu hình thấp phục vụ nhu cầu ngày càng cao của công tác chuyển đổi số	Văn phòng Sở	500		500			300	200				Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
3	Đầu tư trang thiết bị tăng cường bảo đảm an toàn thông tin: Tủ rack, nâng cấp bộ nhớ lưu trữ cho thiết bị lưu trữ, đảm bảo đủ dung lượng bộ nhớ để	Văn phòng Sở	200		200			100	100				Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới

	sao lưu các phần mềm đang vận hành tại Sở; thiết bị firewall, router; Gia hạn dịch vụ lưu trữ dữ liệu đám mây												sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
4	Nâng cấp phần mềm hệ thống quản lý về lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	Phòng Dân tộc, Phòng Tôn giáo											Sau khi Bộ Dân tộc và Tôn giáo xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành
I.2	Phát triển, hoàn thiện các nền tảng số, dữ liệu số, hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số		560		560			510	35	5	5	5	
1	Chỉnh lý, số hóa tài liệu sau khi sáp nhập Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi và Kon Tum	Văn phòng Sở	500		500			500					Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
2	Gia hạn chữ ký số phục vụ DVC Kho bạc, BHXH điện tử, thuế điện tử...	Văn phòng Sở	30		30			10	5	5	5	5	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
3	Kinh phí đối với các lớp bồi dưỡng về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, AI	Văn phòng Sở	30		30				30				Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

I3	Bảo đảm an ninh mạng		360		360			92	92	92	42	42	
I.3	Bảo đảm an ninh mạng												
1	Thuê dịch vụ CNTT vận hành, theo dõi, bảo đảm an toàn thông tin cho trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng của đơn vị tại tên miền “https://congtacdantoc.quangngai.gov.vn”; “csdltongiaio.nuian.vn”	Văn phòng Sở	160		160			32	32	32	32	32	Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024
2	Bản quyền cập nhật phần mềm diệt virus có bản quyền cho máy chủ và tất cả máy tính của cơ quan	Văn phòng Sở	50		50			10	10	10	10	10	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
3	Mua sắm Hệ điều hành Windows có bản quyền	Văn phòng Sở	150		150			50	50	50			Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia